TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 4 năm 2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
*** Các Hội thẩm nhân dân:**
1. Ông Trần Anh Dũng.
2. Ông Nguyễn Lâm Giang.

*** Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên.

*** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1990 (Có mặt)
Cư trú: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh B.
* Bị đơn: Anh Lục Sinh H, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Cư trú: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 23/2/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh Lục Sinh H kết hôn ngày 18/12/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, chị và anh H về chung sống với nhau tại gia đình anh H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2014 giữa chị và anh H phát sinh mâu thuẫn do anh H rượu chè, say xỉn, đánh đập vợ con, không chịu làm ăn. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 2/2023 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Lục Sinh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Lục Thị Hải Y, sinh ngày 21/7/2010 và cháu Lục Thị M, sinh ngày 05/11/2012, hiện đang ở cùng anh H. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Lục Thị Hải Y, anh H nuôi cháu Lục Thị M và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm nhân viên tạp vụ, thu nhập 6.000.000 đồng/tháng và có nhà ở để nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị P có mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh H, ý kiến về con chung.

* Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lục Sinh H nhưng anh H không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên tòa, anh Lục Sinh H vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 30/3/2023, bà Nguyễn Thị Tuất – Trưởng thôn Ngàn Ván, xã An Dương cho biết: Chị Nguyễn Thị P kết hôn với anh Lục Sinh H năm 2008, sau khi kết hôn vợ chồng chị P, anh H về ở với nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2014 thì chồng chị P, anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng chị P, anh H cãi vã nhau. Anh H vẫn cư trú ở địa phương.

Toà án đã mở phiên hoà giải để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Lục Sinh H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị P nuôi dưỡng cháu Lục Thị Hải Y, sinh ngày 21/7/2010. Giao cho anh Lục Sinh H nuôi dưỡng cháu Lục Thị M, sinh ngày 05/11/2012. Anh H, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Lục Sinh H nhưng vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị P và anh Lục Sinh H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ tháng 02/2023, nguyên nhân do anh H rượu chè, say xỉn, đánh đập vợ con, không chịu làm ăn. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị P, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Lục Sinh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị P, anh H có 02 con chung là Lục Thị Hải Y, sinh ngày 21/7/2010 và Lục Thị M, sinh ngày 05/11/2012. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em. Xét điều kiện nuôi con thấy: Hiện tại 02 cháu Yến và Mi do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện cả 02 cháu Yến và Mi đều đang phát triển bình thường. Chị P hiện đang nhân viên tạp vụ, anh H làm tự do, cả hai đều có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống và đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cháu Yến gần 13 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ là chị P. Nên Hội đồng xét xử thấy chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Cần giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lục Thị Hải Y, sinh ngày 21/7/2010, giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lục Thị M, sinh ngày 05/11/2012 là đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của cháu Yến, cháu Mi và phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình .

Chị Nguyễn Thị P và anh Lục Sinh Hkhông trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị P, anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị P, anh H mỗi người nuôi một con nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị P, anh Lục Sinh H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 02 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Lục Sinh H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lục Thị Hải Y, sinh ngày 21/7/2010. Giao cho anh

Lục Sinh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lục Thị M, sinh ngày 05/11/2012.

Chị Nguyễn Thị P và anh Lục Sinh H không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị P, anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị P, anh H mỗi người nuôi một con nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0012094 ngày 24/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang,
- VKSND huyện Tân Yên,
- Chi cục THADS Tân Yên,
- UBND xã A,
- Các đương sự,
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương